TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS–ST

Ngày: 18-3-2026

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Ông Trần Thanh Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2025/TLST–DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST–DS ngày 04/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/QĐ-HPT ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986, địa chỉ: 202 đường số 01 khu phố 2, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966; địa chỉ: 88/3 ấp AB, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Có yêu cầu vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1991, địa chỉ: 153/3 ấp TH, xã TP, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Oanh N, sinh năm 1995; địa chỉ: 25/2 ấp GHB, xã TP, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Phạm Thị T – bà Đào Hồng V trình bày:

Trong năm 2024 anh Trần Minh Đ có tham gia chơi các dây hụi ngày do bà T làm chủ (đầu thảo). Sau khi cấn trừ hụi sống và hụi chết, anh Đ còn nợ lại bà T số tiền là 170.000.000 đồng. Đến tháng 4 năm 2025 anh Đ viết giấy xác nhận nợ với bà T và cam kết mỗi tháng anh Đ sẽ trả cho bà T 2.000.000 đồng, bắt đầu trả lần đầu vào ngày 06/5/2025, việc trả dần này thực hiện đến hết tháng 12 năm 2025. Đến tháng 01/2026 mỗi tháng anh Đ sẽ trả cho bà T 8.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên, từ khi viết giấy nợ đến nay, anh Đ không thực hiện trả nợ dần như đã cam kết, bà T có nhiều lần gọi điện nhắc nhở anh Đ về việc trả tiền hụi cho bà T nhưng anh Đ nói tránh né không có nói thời gian nào trả tiền cho bà T. Việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T.

Tuy chị Phạm Oanh N không trực tiếp ký tên trong giấy nợ nhưng anh Đ và chị Oanh N là vợ chồng hợp pháp và việc chơi hụi nhằm phát triển kinh tế chung cho gia đình nên nay bà T yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi là 170.000.000 đồng. Đồng thời bà T yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng.

Bị đơn Trần Minh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Oanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ và chị N vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71của Bộ luật tố tụng dân

sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Từ những phân tích trên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 BLTTDS, Điều 468, 471 BLDS năm 2015, Nghị định 19 ngày 19/2/2019 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T buộc anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền nợ hụi là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất của số tiền trên tính từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử với mức 0,83%/tháng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Minh Đ, sinh năm 1991, địa chỉ: 153/3 ấp TH, xã TP, tỉnh Vĩnh Long và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Oanh N, sinh năm 1995; địa chỉ: 25/2 ấp GHB, xã TP, tỉnh Vĩnh Long. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đào Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn Trần Minh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Oanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi là 170.000.000 đồng. Đồng thời bà T yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0.83%/tháng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng góp hụi giữa bà Phạm Thị T và anh Trần Minh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Trần Minh Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Oanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ và chị N vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó tài liệu do nguyên đơn cung cung cấp là Bản chính "Giấy nợ" (không có ngày, tháng, năm) được xác định là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng góp hụi anh Trần Minh Đ đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Toà án có thu thập được tài liệu, chứng cứ là Trích lục kết hôn giữa chị Phạm Oanh N và anh Trần Minh Đ tại Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là Uỷ ban nhân dân xã Giao Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre) để xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N. Lẽ đó, việc bà Phạm Thị T yêu cầu anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày thụ lý (31/10/2025) đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T được tính như sau: 170.000.000 đồng + 170.000.000 đồng x 04 tháng 18 ngày x 0,83%/tháng = 176.490.600 đồng.

[6] Anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 176.490.600 đồng x 5% = 8.824.530

đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T: Buộc anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị T số tiền 176.490.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Minh Đ và chị Phạm Oanh N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 8.824.530 đồng.

Bà Phạm Thị T được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai thu số 0007616 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- VKSND Khu Vực 9- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9-Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Văn Khoa-Huỳnh Ngọc Sơn **Nguyễn Thị Thanh Vân**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót **Nguyễn Thị Vân**